

Bản án số: 457/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15-11-2018

“V/v Ly hôn giữa chị T và anh T”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cư;

2. Ông Lê Văn Vẹn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Mộng Thu là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 345/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 465/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Hồ Thị T**, sinh năm 1982, *nơi cư trú:* Tổ 13, ấp Phú Yên, xã Phú Lộc, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Trương Thanh T**, sinh năm 1984, *nơi cư trú:* Tổ 13, ấp Phú Yên, xã Phú Lộc, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Tổ 5, khu dân cư ấp Vĩnh Thạnh A, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai về việc ly hôn đề ngày 28/8/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hồ Thị T trình bày: Hôn nhân của anh chị là do anh, chị tự tìm hiểu tình cảm yêu thương nhau trước và được cha mẹ hai bên đồng ý nên tiến hành tổ chức lễ cưới vào năm 2002, nhưng không có đăng ký kết hôn.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống có hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Nguyên nhân: Chị T cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T. Tại bản tự khai ngày 28/8/2018 của anh Trương Thanh T thì anh T thống nhất về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày. Nay anh cũng đồng ý ly hôn với chị T. Trong thời gian chung sống chị T và anh T có 02 đứa con chung tên Trương Hoài L, sinh ngày 17/01/2003 và Trương Hoài N, sinh ngày 09/5/2006, khi ly hôn chị T và anh T thống nhất thỏa thuận về con chung chị T được quyền nuôi dưỡng cháu Trương Hoài L, anh T được quyền nuôi dưỡng cháu Trương Hoài N, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản. Ngoài ra vợ chồng anh chị không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại.

Tại phiên tòa: Chị Hồ Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị Hồ Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trương Thanh T, có **nơi cư trú** tại tổ 13, ấp Phú Yên, xã Phú Lộc, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Hồ Thị T và anh Trương Thanh T chung sống với nhau từ năm 2002. Tuy có tổ chức lễ cưới nhưng anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị được xem là hôn nhân không hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh T là hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới thì cuộc sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến anh chị không chung sống được với nhau. Tuy anh chị đều đồng ý ly hôn nhau nhưng do hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xét không công nhận chị Hồ Thị T và anh Trương Thanh T là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh T có 02 đứa con chung tên Trương Hoài L, sinh ngày 17/01/2003 và Trương Hoài Nh, sinh ngày 09/5/2006, tại phiên tòa hôm nay chị T và anh T thống nhất thỏa thuận về con chung chị T được quyền nuôi dưỡng cháu Trương Hoài L, anh T được quyền nuôi dưỡng cháu Trương Hoài N, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con và đó cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Trương Hoài L và cháu Trương Hoài N. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và vì lợi ích của con HĐXX căn cứ vào các Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nghị nên giao cháu Trương Hoài L cho chị Hồ Thị T được quyền nuôi dưỡng và giao cháu Trương Hoài N cho anh Trương Thanh T được quyền nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T và anh T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh chị.

[5] Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó HĐXX không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, nên HĐXX cũng không xem xét.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Hồ Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Không công nhận chị Hồ Thị T và anh Trương Thanh T là vợ chồng

2. *Về nuôi con chung:* Giao con chung tên Trương Hoài L cho chị Hồ Thị T được quyền nuôi dưỡng và giao cháu Trương Hoài N cho anh Trương Thanh T được quyền nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh, chị phải tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhau trong việc đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung:* Không có.

5. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Hồ Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0009496 ngày 07/9/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

“Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ”.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã, phường;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Lan